

Số: 245 /QĐ - ĐHL

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc xét cấp trợ cấp xã hội học kỳ II năm học 2016 – 2017 và
cấp bổ sung học kỳ I năm học 2016 - 2017**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TT-LT/BGD&ĐT-BTC-BLĐ-TB&XH ngày 25/8/1998 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ công văn số 462/ĐHH-CTHSSV ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Huế về việc xét trợ cấp xã hội cho sinh viên thuộc diện hộ nghèo;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-ĐHH ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Luật;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét cấp trợ cấp xã hội học kỳ II năm học 2016 - 2017 và cấp bổ sung học kỳ I năm học 2016 - 2017 cho 264 sinh viên hệ chính quy có tên sau: (có danh sách sinh viên kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà): Trưởng phòng Công tác sinh viên, Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các đơn vị trực thuộc và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Website;
- Lưu: VT, CTSV.



Đoàn Đức Lương

DANH SÁCH

Sinh viên được cấp trợ cấp xã hội học kỳ II năm học 2016 - 2017

(Kèm theo Quyết định số: 245 /QĐ-ĐHL ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp/khóa	Mức trợ cấp (đ)	Số tháng hưởng	Tổng tiền (đ)
1	Lương Thuý	Ân	04/11/1993	Luật K37	140,000	6	840,000
2	H' Nĩ	Byă	10/02/1993	Luật K37	140,000	6	840,000
3	Rơ Ô	Chiêm	26/07/1993	Luật K37	140,000	6	840,000
4	Hồ Văn	Dụ	10/12/1994	Luật K37	140,000	6	840,000
5	Rochâm	Duen	11/12/1994	Luật K37	140,000	6	840,000
6	Nguyễn Văn	Dũng	01/06/1995	Luật K37	140,000	6	840,000
7	Lý Bá	Duy	25/05/1995	Luật K37	140,000	6	840,000
8	Vy Thị	Duyên	27/07/1994	Luật K37	140,000	6	840,000
9	Y Biên	Êban	01/12/1994	Luật K37	140,000	6	840,000
10	Hoàng Trung	Giàu	22/09/1994	Luật K37	140,000	6	840,000
11	Nay	H'rom	17/09/1994	Luật K37	140,000	6	840,000
12	Sô Kha Minh	Hùng	21/11/1994	Luật K37	140,000	6	840,000
13	Phạm Văn	Hùng	05/09/1995	Luật K37	140,000	6	840,000
14	Bàn Thị Lan	Hương	21/04/1995	Luật K37	140,000	6	840,000
15	La Văn	Huy	20/01/1989	Luật K37	140,000	6	840,000
16	Phan Văn	Kỳ	09/01/1992	Luật K37	140,000	6	840,000
17	Trần Ngọc	Nghĩa	09/08/1994	Luật K37	140,000	6	840,000
18	Lương Quốc	Phong	25/03/1994	Luật K37	140,000	6	840,000
19	Vi Thị	Phường	28/11/1995	Luật K37	140,000	6	840,000
20	Lê Thị Hải	Tăng	20/12/1994	Luật K37	140,000	6	840,000
21	Lành Thị	Thúy	20/10/1994	Luật K37	140,000	6	840,000
22	Dương Thị	Vân	29/12/1995	Luật K37	140,000	6	840,000
23	Nguyễn Văn	Xanh	20/10/1994	Luật K37	140,000	6	840,000
24	Trần Thị Hải	Yến	01/06/1995	Luật K37	140,000	6	840,000
25	Cao Thị Diệu	Hiền	02/11/1994	Luật K37	100,000	6	600,000
26	Lý Giang	Huyền	10/08/1991	Luật K37	100,000	6	600,000
27	Hoàng Thị	Thảo	04/04/1995	Luật K37	100,000	6	600,000
28	Trần Thị Tố	Nga	04/01/1995	Luật K37	100,000	12	1,200,000
29	Lê Tăng Phương	Trình	29/06/1995	Luật K37	100,000	12	1,200,000
30	Luân Thị Thu	Hoài	26/09/1995	LKT K37	140,000	6	840,000
31	Ksor	Kun	10/10/1995	LKT K37	140,000	6	840,000
32	Trần Văn	Mức	15/05/1994	LKT K37	140,000	6	840,000
33	Bùi Thị Mỹ	Nương	02/01/1995	LKT K37	140,000	6	840,000
34	Bùi Thị Hoài	Thương	22/02/1995	LKT K37	140,000	6	840,000
35	H Plun	Byă	07/01/1996	Luật K38	140,000	6	840,000
36	H Gái	Êban	22/04/1996	Luật K38	140,000	6	840,000

QUYẾT ĐỊNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HUẾ

(Chữ ký)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp/khóa	Mức trợ cấp (đ)	Số tháng hưởng	Tổng tiền (đ)
37	Hồ Thị	Gần	28/05/1995	Luật K38	140,000	6	840,000
38	Nông Thị Thu	Hà	26/02/1996	Luật K38	140,000	6	840,000
39	Lê Thượng	Hải	01/01/1996	Luật K38	140,000	6	840,000
40	Phơ Loong La Ôn	Ka	21/11/1995	Luật K38	140,000	6	840,000
41	Hồ Thị	Lân	12/06/1995	Luật K38	140,000	6	840,000
42	Bùi Thị	Lệ	16/05/1995	Luật K38	140,000	6	840,000
43	Lê Thị	Linh	28/12/1995	Luật K38	140,000	6	840,000
44	A Cơ Ly	Ly	05/11/1995	Luật K38	140,000	6	840,000
45	Hồ Văn	Mẫn	02/01/1994	Luật K38	140,000	6	840,000
46	H Wuăn	Miô	01/08/1996	Luật K38	140,000	6	840,000
47	Hồ Thị Kim	Nga	11/02/1995	Luật K38	140,000	6	840,000
48	Hồ Văn	Nghiêm	28/04/1996	Luật K38	140,000	6	840,000
49	Hồ Thị	Ngọc	01/01/1995	Luật K38	140,000	6	840,000
50	Hồ Thị	Sao	15/01/1995	Luật K38	140,000	6	840,000
51	Hồ Văn	Sơn	12/05/1995	Luật K38	140,000	6	840,000
52	Nay	Song	23/04/1995	Luật K38	140,000	6	840,000
53	Trần Thị	Sửu	19/07/1994	Luật K38	140,000	6	840,000
54	Kring Y Mai	Thương	28/02/1996	Luật K38	140,000	6	840,000
55	Phạm Thị	Thúy	20/09/1996	Luật K38	140,000	6	840,000
56	Hồ Thị	Tiết	15/11/1992	Luật K38	140,000	6	840,000
57	Nguyễn Trần Cẩm	Tú	27/10/1995	Luật K38	140,000	6	840,000
58	Triệu Thị	Thúy	05/10/1996	Luật K38	140,000	6	840,000
59	Phạm Thị	Tuyền	15/11/1995	Luật K38	140,000	6	840,000
60	Hồ Thị	Xinh	09/10/1995	Luật K38	140,000	6	840,000
61	Nguyễn Đức	Thành	15/02/1996	Luật K38	100,000	6	600,000
62	Trần Minh	Thiện	20/06/1993	Luật K38	100,000	6	600,000
63	La Thị Thu	Thủy	12/02/1996	Luật K38	100,000	6	600,000
64	Đinh Thị Hương	Giang	20/12/1995	Luật K38	100,000	6	600,000
65	Thiều Thị	Hằng	26/02/1996	Luật K38	100,000	6	600,000
66	Trần Thị	Oanh	22/02/1995	Luật K38	100,000	6	600,000
67	Nguyễn Việt	Tuệ	10/10/1995	Luật K38	100,000	6	600,000
68	Phan Thanh	Hậu	02/06/1996	Luật K38	100,000	12	1,200,000
69	Lê Thị	Hiền	07/10/1996	Luật K38	100,000	12	1,200,000
70	Lương Trung	Dũng	06/04/1995	LKT K38	140,000	6	840,000
71	Mạc Thị	Huyền	05/07/1996	LKT K38	140,000	6	840,000
72	Lê Phúc	Hùng	05/02/1995	LKT K38	140,000	6	840,000
73	Lê Thị	Hương	16/03/1996	LKT K38	140,000	6	840,000
74	Hồ Thị	Phượng	06/11/1995	LKT K38	140,000	6	840,000
75	Lang Trung	Thành	01/01/1996	LKT K38	140,000	6	840,000
76	Lê Thị Diệu	Liên	02/01/1995	LKT K38	140,000	6	840,000
77	Nguyễn Thị	Thêm	20/01/1996	LKT K38	140,000	6	840,000
78	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	19/05/1996	LKT K38	100,000	6	600,000
79	Đinh Thị Thu	Hằng	28/02/1996	LKT K38	100,000	12	1,200,000
80	Nguyễn Thị Thục	Quên	01/09/1996	LKT K38	100,000	12	1,200,000

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp/khóa	Mức trợ cấp (đ)	Số tháng hưởng	Tổng tiền (đ)
81	H Riam	Adrông	10/03/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
82	Hồ Quốc	Anh	05/02/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
83	Đinh Thị	Bình	08/09/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
84	H-Liệt-	Byă	16/09/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
85	Trần Thị	Chằng	27/07/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
86	Rahlan	Chiến	20/09/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
87	Hồ Văn	Cuối	10/11/1994	Luật K39	140,000	6	840,000
88	Rơ Mah H'	De	10/08/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
89	Blong	Đạt	22/03/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
90	Hồ Văn	Dí	17/07/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
91	Luân Thị	Giang	14/07/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
92	Hồ Thị	Giang	15/05/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
93	Hồ Thị	Gió	01/12/1995	Luật K39	140,000	6	840,000
94	Vy Thu	Hà	11/04/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
95	Hồ văn	Hồi	01/02/1995	Luật K39	140,000	6	840,000
96	Lê Minh	Huân	04/04/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
97	Bùi Xuân	Hùng	01/01/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
98	Vi Văn	Hùng	11/10/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
99	A Rét Thị	Hương	10/06/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
100	Hồ Thanh	Hương	27/04/1995	Luật K39	140,000	6	840,000
101	Hồ Văn	Inh	24/06/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
102	H' Mương	Knul	05/03/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
103	Hồ Thị Mỹ	Lệ	14/04/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
104	Lê Văn	Lên	05/06/1994	Luật K39	140,000	6	840,000
105	Hồ Thị Kim	Liên	06/09/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
106	Lò Văn	Linh	28/01/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
107	Bhnróch	Lịnh	21/02/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
108	Hoàng Thị	Lý	06/03/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
109	Hồ Văn	Mười	02/09/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
110	Lộc Thị	Na	17/12/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
111	Y	Năng	08/05/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
112	Hồ Văn	Nanh	16/08/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
113	Đinh Hồng	Nghĩa	25/02/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
114	Ksor Hờ	Nguyệt	25/05/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
115	Đinh Thị Yến	Nhi	31/01/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
116	Quách Thị Dung	Nhi	03/07/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
117	Ksor H'	Nhin	18/12/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
118	Hồ Văn	Nhớ	22/06/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
119	Hồ Thị	Nhon	30/07/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
120	Y	Nững	19/07/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
121	Hồ Thị	On	15/10/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
122	Hồ Văn	Phong	08/08/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
123	Phùng Thị	Phước	29/12/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
124	Hồ Văn	Quý	12/03/1995	Luật K39	140,000	6	840,000

VÀ
 ỜNG
 HỌ
 ẬT
 HỌ C

00

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp/khóa	Mức trợ cấp (đ)	Số tháng hưởng	Tổng tiền (đ)
125	Lục Đăng	Quyển	02/06/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
126	Hồ Thị	Sanh	11/10/1995	Luật K39	140,000	6	840,000
127	Lê Thị Kim	Siêu	22/11/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
128	Nông Thị Hoài	Thanh	25/06/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
129	Hồ Thị Phương	Thảo	25/10/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
130	Nguyễn Thị	Thích	12/02/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
131	Hồ Xuân	Thuận	01/05/1995	Luật K39	140,000	6	840,000
132	Nguyễn Thị Phương	Thúy	04/09/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
133	Đinh Thị	Trang	10/10/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
134	Hoàng Thị	Tuyên	23/09/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
135	Hồ Văn	Huỳnh	22/06/1996	Luật K39	140,000	6	840,000
136	Phạm Thị	Tý	05/11/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
137	Nông Thị Hoài	Thanh	25/06/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
138	Phạm Thị	Tý	05/11/1997	Luật K39	140,000	6	840,000
139	Hồ Thị	Liễu	15/10/1995	Luật K39	100,000	6	600,000
140	Từ Thị Thu	Hương	20/02/1996	Luật K39	100,000	6	600,000
141	Hồ Thị Mỹ	Lệ	14/04/1996	Luật K39	100,000	6	600,000
142	Nguyễn Thị	Nga	03/08/1997	Luật K39	100,000	6	600,000
143	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20/11/1997	Luật K39	100,000	12	1,200,000
144	Trần Thị Hồng	Thủy	15/04/1997	Luật K39	100,000	12	1,200,000
145	Phan Thị	Mỹ	23/09/1997	Luật K39	100,000	12	1,200,000
146	Huỳnh Nguyễn Thanh	Thúy	08/09/1996	Luật K39	100,000	12	1,200,000
147	Hoàng Ngọc	Thu	16/02/1997	Luật K39	100,000	12	1,200,000
148	Vy Đông	A	02/09/1995	LKT K39	140,000	6	840,000
149	Hồ Thị	Bường	15/05/1996	LKT K39	140,000	6	840,000
150	Arát	Chung	04/11/1997	LKT K39	140,000	6	840,000
151	Hà Quốc	Đạt	15/01/1996	LKT K39	140,000	6	840,000
152	Nông Cao	Định	21/05/1997	LKT K39	140,000	6	840,000
153	A Moong	Hân	23/10/1994	LKT K39	140,000	6	840,000
154	Nguyễn Văn	Luật	25/01/1996	LKT K39	140,000	6	840,000
155	Hoàng Thùy	Linh	05/09/1997	LKT K39	140,000	6	840,000
156	Triệu Thị Tố	Quỳnh	05/08/1997	LKT K39	140,000	6	840,000
157	Lý Thị	Oanh	10/02/1997	LKT K39	140,000	6	840,000
158	Nguyễn Thị	Phụng	10/07/1997	LKT K39	140,000	6	840,000
159	Hồ Thị	Quế	16/05/1996	LKT K39	140,000	6	840,000
160	Hà Thị	Thu	01/06/1997	LKT K39	140,000	6	840,000
161	Cao Thị Ngọc	Thủy	02/09/1996	LKT K39	140,000	6	840,000
162	Lò Thị Quế	Trâm	02/09/1996	LKT K39	140,000	6	840,000
163	Quách Huyền	Trang	11/04/1997	LKT K39	140,000	6	840,000
164	Nguyễn Duy	Hiển	28/04/1997	LKT K39	100,000	6	600,000
165	Lê Viết	Toàn	24/06/1996	LKT K39	100,000	6	600,000
166	Nguyễn Thị Thu	Dung	11/07/1997	LKT K39	100,000	6	600,000
167	Trình Thị	Thơm	03/05/1996	LKT K39	100,000	6	600,000
168	Đinh Thị	Lan	09/03/1997	LKT K39	100,000	6	600,000

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp/khóa	Mức trợ cấp (đ)	Số tháng hưởng	Tổng tiền (đ)
169	Nguyễn Thị Hồng		14/05/1997	LKT K39	100,000	12	1,200,000
170	Nguyễn Thị Phương Thảo		03/02/1996	LKT K39	100,000	12	1,200,000
171	Avô Abôm		01/01/1995	Luật K40	140,000	6	840,000
172	Hồ Văn An		03/08/1995	Luật K40	140,000	6	840,000
173	Hồ Thị Ngọc Anh		21/07/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
174	Trần Thị Cam		28/08/1996	Luật K40	140,000	6	840,000
175	Nguyễn Xuân Cấn		10/08/1994	Luật K40	140,000	6	840,000
176	Hồ Văn Châu		26/03/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
177	Phạm Tấn Công		21/03/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
178	Rmah H' Cúc		08/12/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
179	Nguyễn Văn Đan		17/02/1993	Luật K40	140,000	6	840,000
180	Hà Văn Hải		28/12/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
181	Rcom H'gưn		23/04/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
182	Quách Thị Hiền		22/05/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
183	Nông Phúc Hiền		24/01/1996	Luật K40	140,000	6	840,000
184	Nguyễn Đắc Hình		07/06/1996	Luật K40	140,000	6	840,000
185	Rơ Mah H' Hoà		01/01/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
186	Hồ Văn Hoạch		01/01/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
187	Nay Hờ Hoài		10/10/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
188	Ploong Thị Hoài		18/12/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
189	Hồ Văn Hoạch		01/01/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
190	Hoàng Quốc Hội		27/07/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
191	Hoàng Thị Huế		18/11/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
192	Phùng Hoa Kim Huệ		21/04/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
193	Hoàng Thị Huệ		25/08/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
194	Kring Hươn		01/04/1994	Luật K40	140,000	6	840,000
195	Đoàn Ngọc Huy		31/12/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
196	Phạm Quốc Huy		15/09/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
197	Hoàng Thị Huyền		28/09/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
198	Đạo Chế Quốc Khánh		15/07/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
199	Kpuih H' Khlok		11/10/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
200	Hồ Văn Kiểm		15/03/1991	Luật K40	140,000	6	840,000
201	Hồ Thị Kiều		27/12/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
202	Cầm Thị Lan		05/12/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
203	Sử Thị Hồng Liễu		29/05/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
204	Kpuih H' Linh		20/08/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
205	Ngô Thuỳ Linh		18/07/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
206	A Lãng Lợi		06/02/1996	Luật K40	140,000	6	840,000
207	Alê Ri Na		26/12/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
208	Đinh Văn Nam		14/02/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
209	Hồ Thị Nghê		12/10/1996	Luật K40	140,000	6	840,000
210	Nguyễn Thị Thanh Nghi		06/12/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
211	Hồ Thị Thảo Nguyên		21/05/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
212	Luân Thị ánh Nguyệt		18/07/1998	Luật K40	140,000	6	840,000

ch

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp/khóa	Mức trợ cấp (đ)	Số tháng hưởng	Tổng tiền (đ)
213	Nguyễn Thị Trúc	Nhã	12/07/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
214	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	28/07/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
215	Rmah H'	Nhang	05/03/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
216	Y	Nhung	03/05/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
217	Alăng	Nóc	10/03/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
218	Kpã H'	Pa	02/06/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
219	Trần Văn	Pho	15/06/1991	Luật K40	140,000	6	840,000
220	R' Ô H'	Puin	13/10/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
221	Triệu Thị Lệ	Quyên	22/01/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
222	Trần Văn	Sinh	23/12/1994	Luật K40	140,000	6	840,000
223	Lê Thị	Sự	25/05/1996	Luật K40	140,000	6	840,000
224	Hoàng Thị	Sun	26/10/1996	Luật K40	140,000	6	840,000
225	Y	Sửu	19/05/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
226	Phạm Văn	Thâm	28/02/1993	Luật K40	140,000	6	840,000
227	Lương Thị	Thấm	02/10/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
228	Y	Thảo	12/06/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
229	Triệu Thị Thanh	Thảo	23/08/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
230	Hồ Văn	Thích	08/09/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
231	Lê Mo Thị	Thoa	10/05/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
232	Hồ Thị	Thơm	06/12/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
233	Bhát Thị Hoài	Thương	20/09/1997	Luật K40	140,000	6	840,000
234	Bế Thị Thủy	Tiên	01/01/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
235	Lý Hà	Trang	30/05/1998	Luật K40	140,000	6	840,000
236	Hồ Thị	Xót	04/03/1994	Luật K40	140,000	6	840,000
237	Nguyễn Đồng	Tiến	01/01/1996	Luật K40	100,000	6	600,000
238	Nguyễn Thị	Huyền	30/11/1997	Luật K40	100,000	6	600,000
239	Nguyễn Văn	Nhân	27/03/1998	Luật K40	100,000	6	600,000
240	Lê Tuấn	Anh	06/11/1996	Luật K40	100,000	12	1,200,000
241	Hứa Huy	Hiếu	08/08/1998	Luật K40	100,000	12	1,200,000
242	Trương Văn	Quốc	05/10/1996	Luật K40	100,000	12	1,200,000
243	Nghiêm Ngọc	Ánh	01/05/1998	LKT K40	140,000	6	840,000
244	Trần Văn	Đèn	14/03/1996	LKT K40	140,000	6	840,000
245	Hồ Thị	Dịp	04/10/1996	LKT K40	140,000	6	840,000
246	Nguyễn Khánh	Duy	24/03/1998	LKT K40	140,000	6	840,000
247	Nông Thị Thu	Hà	01/11/1998	LKT K40	140,000	6	840,000
248	Nông Thu	Hà	18/03/1997	LKT K40	140,000	6	840,000
249	Trịnh Văn	Hiệp	22/02/1998	LKT K40	140,000	6	840,000
250	Vì Ngọc	Lâm	18/12/1997	LKT K40	140,000	6	840,000
251	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/07/1998	LKT K40	140,000	6	840,000
252	Lê Mai	Ly	18/02/1998	LKT K40	140,000	6	840,000
253	Hồ Văn	Mẫn	16/06/1995	LKT K40	140,000	6	840,000
254	Phan Thị Thu	Ngân	05/01/1998	LKT K40	140,000	6	840,000
255	Hồ Thị	Phúc	12/07/1998	LKT K40	140,000	6	840,000
256	Vy Thị	Thủy	02/03/1998	LKT K40	140,000	6	840,000

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp/khóa	Mức trợ cấp (đ)	Số tháng hưởng	Tổng tiền (đ)
257	Hoàng Thị	Trang	15/07/1997	LKT K40	140,000	6	840,000
258	Ra Pát	Trư	23/10/1994	LKT K40	140,000	6	840,000
259	Lê Hoàng	Việt	22/02/1997	LKT K40	140,000	6	840,000
260	Phan Toàn	Thịnh	12/10/1998	LKT K40	100,000	6	600,000
261	Nguyễn Thị Hải	Yên	05/05/1998	LKT K40	100,000	6	600,000
262	Lê Phan Hồng	Sơn	18/03/1998	LKT K40	100,000	12	1,200,000
263	Hoàng Thị	Hoa	28/01/1998	LKT K40	100,000	12	1,200,000
264	Huỳnh Thị Kim	Duyên	26/09/1997	LKT K40	100,000	12	1,200,000

**** Danh sách này gồm có 264 sinh viên**



HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Đức Lương

